

Số: 77/NQ-HĐND

Đức Thọ, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ dự toán thu - chi ngân sách
và bố trí vốn đầu tư từ ngân sách năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2961/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh về việc Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho huyện Đức Thọ;

Sau khi xem xét các Báo cáo và Tờ trình số 4441/TTr-UBND ngày 13/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện, báo cáo thẩm tra của ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu - chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025 như sau:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn:	1.193.679.000.000 đồng
Trong đó:	
a) Thu thuế - phí và thu khác ngân sách:	380.000.000.000 đồng
b) Thu cân đối từ ngân sách cấp trên:	813.679.000.000 đồng
(Biểu số 03 kèm theo)	
2. Tổng chi NSNN trên địa bàn:	1.103.396.000.000 đồng.
Trong đó:	
a) Chi ngân sách huyện:	804.693.000.000 đồng
- Chi đầu tư phát triển:	96.600.000.000 đồng
- Chi thường xuyên:	702.240.000.000 đồng
- Chi dự phòng:	11.853.000.000 đồng
(Biểu số 04 đến số 15 kèm theo)	
b) Chi ngân sách xã, thị trấn:	298.703.000.000 đồng
- Chi đầu tư phát triển:	135.900.000.000 đồng

- Chi thường xuyên:

159.611.000.000đồng

- Chi dự phòng:

3.192.000.000đồng

Điều 2. HĐND huyện đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện thu ngân sách và điều hành chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025 như UBND huyện đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tập trung đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các giải pháp, hoàn thành và vượt kế hoạch của Hội đồng nhân dân huyện giao. Tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước; xây dựng các giải pháp, triển khai thực hiện thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến độ, tổng mức, cơ cấu thu; đẩy mạnh biện pháp thu nợ đọng thuế, hạn chế tối đa nợ mới phát sinh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm thuế; cải cách, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính.

2. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo ngành có chức năng thu ngân sách và các xã, thị trấn phân đấu thu đúng, thu đủ và kịp thời để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch của Hội đồng nhân dân huyện giao. Tập trung các giải pháp chống thất thu, đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

3. Trong điều kiện nguồn thu ngân sách của huyện còn khó khăn, phải đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn vốn về trên địa bàn, phát triển sản xuất, góp phần tăng trưởng kinh tế và tăng nguồn thu ngân sách. Tiếp tục huy động từ mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo và có các chính sách khuyến khích phát triển Doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động trên lĩnh vực Giáo dục, Y tế, phát động đóng góp tự nguyện của nhân dân.

4. Điều hành chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết để dành nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, bố trí các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự phòng cho các trường hợp đột xuất cấp bách; tập trung chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao, giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

5. Bố trí chi thường xuyên để đảm bảo nguồn cải cách tiền lương theo quy định; trong đó: đối với các đơn vị cấp huyện bố trí, sử dụng một phần nguồn CCTL còn dư của đơn vị để thực hiện; đối với các địa phương chủ động, bố trí sử dụng nguồn CCTL của địa phương theo phân cấp; phần còn thiếu, ngân sách cấp tỉnh, huyện sẽ cấp bổ sung, hỗ trợ các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo quy định. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương theo quy định.

6. Phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước theo thứ tự ưu tiên đã được quy định trong Luật Đầu tư công, các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Tăng cường công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn nước ngoài; thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư để đảm bảo thực hiện đầu tư đúng quy hoạch, kế hoạch đã duyệt; tập trung bố trí vốn đầu tư từ ngân sách

nhà nước để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng, các dự án trọng điểm đối với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi và đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án đảm bảo tiến độ. Kiểm soát chặt chẽ tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản. Quyết định đầu tư dự án phải xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, phù hợp với kế hoạch đã giao. Đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân các nguồn vốn, công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 3. Trong quá trình điều hành thu - chi ngân sách và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển, nếu có những biến động, HĐND huyện giao Ủy ban nhân dân huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện và Ban Kinh tế - Xã hội trình HĐND xem xét quyết định.

Điều 4. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Kinh tế - Xã hội giám sát việc thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước; kế hoạch huy động và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025 theo số liệu đã được thông qua tại kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện. Các Ban Hội đồng nhân dân huyện tích cực thực hiện nhiệm vụ giám sát trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đức Thọ khóa XX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu HĐND tỉnh khu vực Đức Thọ;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện Khóa XX;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Kho Bạc Nhà nước Đức Thọ;
- Văn phòng HĐND - UBND huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, HĐND.



Đặng Giang Trung





Phụ lục 01

(Biên bản số 15 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 (Tỉnh giao)	Dự toán năm 2024 (Huyện giao)	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025 (Huyện giao)	So sánh (DT 2025/UTH 2024)	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1		2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	827.843	843.593	1.042.113	1.103.396	61.283	105,9%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	208.942	224.692	202.974	289.717	86.743	142,7%
-	Thu NSDP hưởng 100%	10.350	10.350	14.071	7.800	-6.271	55,4%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	198.592	214.342	188.904	281.917	93.013	149,2%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	618.901	618.901	734.520	813.679	79.159	110,8%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	618.901	618.901	616.853	790.636	173.783	128,2%
2	Thu bổ sung có mục tiêu			117.667	23.043		
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			2.435			
IV	Thu kết dư			102.183			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang						
B	TỔNG CHI NSDP	828.571	844.321	994.678	1.103.396	108.718	110,9%
I	Tổng chi cân đối NSDP	828.571	844.321	994.678	1.080.353	85.675	108,6%
1	Chi đầu tư phát triển	142.500	158.250	269.737	226.500	-43.237	84,0%
2	Chi thường xuyên	674.780	674.780	719.562	838.808	119.246	116,6%
3	Dự phòng ngân sách	11.291	11.291	5.379	15.045	9.666	279,7%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương						
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0	0	23.043		
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				23.043		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ						
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau						



Phụ lục 02

Biểu mẫu số 16 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	280.174	202.974	380.000	289.717	135,6%	142,7%
1	Thu quốc doanh	141	56	110	44	78,0%	78,0%
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	52.829	50.188	28.000	28.000	53,0%	55,8%
3	Thuế thu nhập cá nhân	12.849	7.123	6.000	3.000	46,7%	42,1%
4	Lệ phí trước bạ	30.293	25.148	27.500	22.700	90,8%	90,3%
5	Thu phí, lệ phí	8.469	8.469	2.500	2.500	29,5%	29,5%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	579	579	400	400	69,1%	69,1%
7	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.209	1.857	2.700	1.470	84,1%	79,2%
8	Thu tiền sử dụng đất	160.872	104.567	302.000	226.500	187,7%	216,6%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	551	386	290	203	52,6%	52,6%
10	Thu khác ngân sách	9.640	3.862	9.400	3.800	97,5%	98,4%
	<i>Trong đó: - Thu phạt ATGT</i>	<i>4.231</i>		<i>5.600</i>		<i>132,3%</i>	
	<i>Thu tại xã</i>	<i>2.282</i>	<i>2.282</i>	<i>2.800</i>	<i>2.800</i>	<i>122,7%</i>	<i>122,7%</i>
	<i>Thu khác ngân sách còn lại</i>	<i>3.127</i>	<i>1.580</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>	<i>32,0%</i>	<i>63,3%</i>
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	742	742	1.100	1.100	148,3%	148,3%



Phụ lục 03

Điều mẫu số 17 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HDND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024 tỉnh giao	Dự toán năm 2024 huyện giao	Dự toán năm 2025 tỉnh giao	Dự toán năm 2025 huyện giao	So sánh	
						Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5=4-2	6=4/2
	TỔNG CHI NSĐP	828.571	844.321	1.004.396	1.103.396	259.075	130,7%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	828.571	844.321	981.353	1.080.353	236.032	128,0%
I	Chi đầu tư phát triển	142.500	158.250	127.500	226.500	68.250	143,1%
1	Chi đầu tư cho các dự án	142.500	158.250	127.500	226.500		
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>						
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Chi khoa học và công nghệ						
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>						
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	142.500	158.250	127.500	226.500	68.250	143,1%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
2	Chi đầu tư phát triển khác						
II	Chi thường xuyên	674.780	674.780	838.808	838.808	164.028	124,3%
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	290.595	290.595	395.954	395.954	105.359	136,3%
2	Chi khoa học và công nghệ						
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)						
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)						
V	Dự phòng ngân sách	11.291	11.291	15.045	15.045	3.754	133,2%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương						
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			23.043	23.043		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			3.345	3.345		
	Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM			3.345	3.345		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			19.698	19.698		
	Kinh phí tặng huy hiệu Đảng năm 2025			7.284	7.284		
	Kinh phí quản lý, bảo dưỡng đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2025			5.215	5.215		
	Kinh phí trợ cấp MTP 2025			4.937	4.937		
	Kinh phí quà, thấp hương nhân dịp tết nguyên đán năm 2025 và ngày 27/7			1.939	1.939		
	Kinh phí tặng quà đối tượng đang còn sống 2025 nhân dịp tết nguyên đán năm 2025 và ngày 27/7			323	323		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU						

Phụ lục 04
(Biểu mẫu số 30 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	650.577	775.050	804.693	29.643	103,8%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	144.449	117.435	136.680	19.245	116,4%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	506.128	566.160	668.013	101.853	118,0%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	506.128	508.326	668.013	159.687	131,4%
-	Thu bổ sung có mục tiêu		57.834			
3	Thu kết dư		254			
4	Thu cấp dưới nộp lên					
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		91.202			
II	Chi ngân sách	650.577	766.984	804.693	37.709	104,9%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	650.577	615.033	804.693	189.660	130,8%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		151.952			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	0	0	0		
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
B	NGÂN SÁCH XÃ					
I	Nguồn thu ngân sách	193.016	267.063	298.703	31.640	111,8%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	80.243	85.540	153.037	67.497	178,9%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	112.773	168.360	145.666	-22.694	86,5%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	112.773	108.527	145.666	37.139	134,2%
-	Thu bổ sung có mục tiêu		59.833			
3	Thu kết dư		2.182			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		10.981			
II	Chi ngân sách	193.016	151.952	298.703	146.751	196,6%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	193.016	151.952	298.703	146.751	196,6%
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Phụ lục 05
(Biểu mẫu số 33-kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)



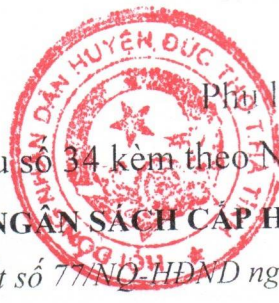
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	1.103.396	804.693	298.703
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	1.103.396	804.693	298.703
I	Chi đầu tư phát triển	226.500	90.600	135.900
1	Chi đầu tư cho các dự án	226.500	90.600	135.900
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	0		
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	0		
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	0		
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	226.500	90.600	135.900
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	861.851	702.240	159.611
	<i>Trong đó:</i>	0		
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	395.954	395.954	
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	0		
III	Dự phòng ngân sách	15.045	11.853	3.192
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	3.345	3.345	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM	3.345	3.345	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	19.698	19.698	0

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
1	Kinh phí tặng huy hiệu Đảng năm 2025	7.284	7.284	
2	Kinh phí quản lý, bảo dưỡng đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2025	5.215	5.215	
3	Kinh phí trợ cấp MTP 2025	4.937	4.937	
4	Kinh phí quà, thấp hương nhân dịp tết nguyên đán năm 2025 và ngày 27/7	1.939	1.939	
5	Kinh phí tặng quà đối tượng đang còn sống 2025 nhân dịp tết nguyên đán năm 2025 và ngày 27/7	323	323	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



Phụ lục 06

(Biểu mẫu số 34 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	714.093
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Chi đầu tư cho các dự án	90.600
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	18.213
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi quốc phòng	500
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	500
-	Chi y tế, dân số và gia đình	400
-	Chi văn hóa thông tin và TDTT	2.862
-	Chi các hoạt động kinh tế	49.975
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17.555
-	Chi bảo đảm xã hội	595
-	Chi đầu tư khác	
II	Chi thường xuyên	702.240
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	395.954
-	Chi quốc phòng	1.255
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	850
-	Chi y tế, dân số và gia đình	49.237
-	Chi sự nghiệp Văn hóa TT và Du lịch	5.432
-	Chi bảo vệ môi trường	6.164
-	Chi các hoạt động kinh tế	99.454
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	64.431
-	Chi bảo đảm xã hội	71.705
-	Chi thường xuyên khác	7.758
		11.853
III	Dự phòng ngân sách	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



Phụ lục 07

(Biểu mẫu số 34 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	298.703
	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	298.703
I	Chi đầu tư phát triển	135.900
1	Chi đầu tư cho các dự án	135.900
II	Chi thường xuyên	159.611
-	Chi quốc phòng	5.541
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	970
-	Chi văn hóa thông tin	3.371
-	Chi bảo vệ môi trường	1.372
-	Chi các hoạt động kinh tế	5.752
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	129.338
-	Chi bảo đảm xã hội	11.613
	Chi thường xuyên khác	1.654
III	Dự phòng ngân sách	3.192
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



Phụ lục 08

Phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 7/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung phân bổ	Số tiền
TỔNG CỘNG		
A	KINH PHÍ XD NÔNG THÔN MỚI, KINH PHÍ ĐỐI ỨNG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VÀ KINH PHÍ ĐO ĐẠC (I+II...+VIII)	90.600
I	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới và đô thị văn minh	13.100
1	Thường xã đạt chuẩn NTM năng cao, kiểu mẫu và Thị trấn đạt đô thị văn minh	4.100
1.1	Thường xã đạt chuẩn NTM năng cao đối với xã không có nguồn thu từ tiền đất: 1 xã x 1 tỷ đồng/xã	1.000
1.2	Thường xã đạt chuẩn NTM năng cao đối với xã có nguồn thu từ tiền đất: 2 xã x 800 triệu đồng/xã	1.600
1.3	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (1,5 tỷ đồng/xã)	1.500
2	Thường khu dân cư kiểu mẫu; tổ dân phố văn minh và duy trì tiêu chí	1.000
3.1	Thường khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Đối với xã không có tiền đất): 4 khu * 150trđ/khu	600
3.2	Thường khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Đối với các xã còn lại): 4 khu * 100trđ/khu	400
3	Kinh phí đối ứng hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng (Theo NQ số 44/2021/HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh)	2.000
4	Kinh phí đối ứng hỗ trợ phục hồi nâng cấp mặt đường BTXM (Theo NQ số 44/2021/HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh)	3.000
5	Kinh phí đối ứng hỗ trợ tích tụ ruộng đất (Theo NQ số 125/2024/HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh)	3.000
II	Các dự án duy tu bảo trì đường bộ huyện năm 2025	6.035
1	Duy tu bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường huyện năm 2025	1.500
2	Sửa chữa định kỳ đường huyện lộ ĐH 34 đoạn qua thôn Đồng Tâm xã Đức Đồng	1.835
3	Nâng cấp, sửa chữa Đường TX 14 đoạn qua thôn Gia Thịnh xã Thanh Bình Thịnh	2.700
III	Các dự án năm 2024 bố trí nhưng chưa có nguồn (do tiền đất không thu đạt; Phụ lục 8.2)	11.972
IV	Hỗ trợ kinh phí lĩnh vực Văn hóa	2.350

TT	Nội dung phân bổ	Số tiền
1	Hỗ trợ xây dựng mới: Nhà văn hóa xã, thị trấn: 01 nhà x 200 trđ/nhà	200
2	Hỗ trợ nâng cấp Nhà văn hóa xã, thị trấn: 01 nhà x 100 trđ/nhà	100
3	Hỗ trợ xây dựng mới nhà văn hóa thôn, tổ dân phố: 02 nhà x 100 trđ/nhà	200
4	Hỗ trợ nâng cấp nhà văn hóa thôn, tổ dân phố: 02 nhà x 50 trđ/nhà	100
5	Hỗ trợ xây dựng khu vui chơi giải trí cho người cao tuổi và trẻ em: 03 khu x 50 trđ/khu	150
6	Hỗ trợ xây dựng các khu thể thao, tổ dân phố: 05 khu x 20 trđ/khu	100
7	Kinh phí Trưng tu, tôn tạo các di tích văn hóa đã được xếp hạng (Di tích cấp quốc gia 2 di tích x 200 trđ/di tích) và (4 di tích cấp tỉnh x 100 trđ/di tích)	800
8	Kinh phí xây dựng điểm check - in tại Bến Tam Soa	500
9	Kinh phí làm cầu nổi (Điểm lên xuống tại khu vực Chợ Hòm và Bến Tam Soa)	200
V	Hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	300
1	Hỗ trợ Trường chuẩn quốc gia mức độ 1 được công nhận lần đầu: 1 trường x 100 triệu/trường Hỗ trợ Trường chuẩn quốc gia mức độ 2 được công nhận lần đầu: 2 trường x 100 triệu/trường	300
VI	Kinh phí đối ứng các dự án (Chi tiết tại biểu 8.3)	12.000
VII	Kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị, khu dân cư và chỉnh trang đô thị	1.000
VIII	Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (Theo chỉ thị Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2018 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của TTg Chính phủ - tối thiểu 10% tiền thuê đất và SD đất)	5.500
B	KINH PHÍ TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH XDCB (Phụ lục 8.1)	21.722
C	KINH PHÍ KHỞI CÔNG MỚI CÁC CÔNG TRÌNH XDCB (Phụ lục 8.1)	16.621



Phụ lục 8.1:

Danh mục chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
	TỔNG SỐ				38.343
A	Dự án hoàn thành và thanh toán trong năm 2025				21.722
I	Dự án giao thông, thủy lợi				9.900
1	Dự án Đường giao thông xã Đức Thủy - Thái Yên	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND huyện Đức Thọ	2019-2020	500
2	Dự án Đường và kênh tiêu úng xã Đức Lâm	Xã Lâm Trung Thủy	UBND huyện Đức Thọ	2019-2020	500
3	Dự án Đường Trục xã 04 (TX04) đoạn qua xã Đức An, huyện Đức Thọ	Xã An Dũng	UBND huyện Đức Thọ	2021-2022	500
4	Dự án Đường Trục xã 03 (TX03) đoạn qua xã Đức Long	Xã Tân Dân	UBND huyện Đức Thọ	2021-2022	500
5	Dự án Đường giao thông nông thôn thôn Đại Nghĩa - thôn Hùng Dũng, xã Đức Yên	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2021-2022	500
6	Đường giao thông nông thôn thôn Đồng Quang, thôn Phúc Hòa, thôn Sơn Thành xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	2019-2024	700
7	Đường Giao thông từ Đền Thái Yên đến đường trục xã 16, xã Thanh Bình Thịnh	Xã Thanh Bình Thịnh	Xã Thanh Bình Thịnh	2024-2025	400
8	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn các thôn: Quang Lộc 1, Quang Lộc 2, Vĩnh Phúc 1, Vĩnh Hòa và thôn Vĩnh Đại xã Quang Vĩnh	Xã Quang Vĩnh	UBND xã Quang Vĩnh	2024-2025	300
9	Đường Giao thông xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2024-2025	600
10	Nâng cấp, mở rộng đường GT và mương thoát nước các thôn Châu nội và thôn Châu Trinh xã Tùng Ảnh	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng Ảnh	2024	600
11	Đường giao thông trục chính thôn Kim Quy xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2023-2024	200
12	Dự án Đường giao thông trục chính thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	200
13	Dự án Đường giao thông xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ (trục xã 21)	Xã Trường Sơn	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	200

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
14	Cải tạo vỉa hè từ Quán Bà Viên đến đê La Giang	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2024-2025	200
15	Đường Giao thông thôn Quy Vượng, Trung Hậu xã Yên Hồ	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2024-2025	200
16	Nâng cấp đường giao thông NC46, xã Liên Minh, huyện Đức Thọ	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2023-2024	200
17	Đường huyện lộ ĐH (đoạn từ ngã tư trở đến UBND xã Yên Hồ)	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2023-2024	200
18	Dự án Nâng cấp đường giao thông thôn Châu Diên, xã Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	500
19	Mương thoát nước Tổ dân phố 8, thị trấn Đức Thọ, đoạn từ Khách sạn Hoa Cỏ May đến Điện máy Ngọc Hòa	UBND Thị trấn	UBND Thị trấn	2024	200
20	Đường giao thông, mương thoát thải khu dân cư vùng Đới Hầm, tổ dân phố 8, thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	UBND Thị trấn	2024	800
21	Mương tiêu úng nội đồng Văn Xá	Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024	200
22	Đường Nội vùng xã Thanh Bình Thịnh	Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	200
23	Công trình Cầu Nhà Vẹo và đường ngang kết nối cầu, kè chống sạt lở hai bên thượng, hạ lưu kênh T14 xã Đức An (cũ)	Xã An Dũng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024	200
24	Công trình Đường GTNT thôn Thịnh Cường đi trung tâm xã Đức Long	Xã An Dũng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024	200
25	Đường QL15A chợ giấy An Dũng	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2024	200
26	Đường GTNT Trung Đông - Trung Bắc	xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023	200
27	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông và mương thoát nước các thôn Châu Tùng, Châu Linh, Đông Thái, Yên Hội, Vọng Sơn, Châu Lĩnh và Thạch Thành xã Tùng Ảnh	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng Ảnh	2023-2024	200

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
28	Dự án Phục hồi nâng cấp mặt đường BTXM (thảm nhựa) trên địa bàn Thị trấn Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2024	500
II Dự án giáo dục					6.281
1	Thay thế cửa 02 dãy nhà học 2 tầng và xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường TH xã Liên Minh	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2022-2023	200
2	Cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Thọ	Xã Tùng Ảnh	Trung tâm GDNN-GDTX	2022-2023	236
3	Cải tạo nhà học 2 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ khác Trường Tiểu học Trung Lễ	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023-2024	200
4	Cổng, hàng rào và các hạng mục phụ trợ khác trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2024-2025	200
5	Cải tạo mái che, vườn cổ tích và các hạng mục phụ trợ khác Trường Mầm non Đức An	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2024-2025	200
6	Công trình Nhà xe giáo viên học sinh, sân, mương thoát nước Trường Tiểu học Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2024	200
7	Nhà bếp, các công trình phụ trợ và vườn cổ tích Trường Mầm non xã Liên Minh	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2024	200
8	Cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ - Trường Mầm non Đức Lâm	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023	200
9	Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng và xây dựng hàng rào - Trường Tiểu học Trường Sơn	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023	200
10	Nhà đa năng Trường Tiểu học Nguyễn Xuân Thiều	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2022	200
11	Nhà đa năng Trường Tiểu học Liên Minh	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2023-2024	200
12	Sửa chữa Nhà hiệu bộ và 2 dãy nhà học 2 tầng Trường Tiểu học Thị Trấn	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2024-2025	200
13	Xây dựng Nhà bếp, cải tạo nhà hiệu bộ, cải tạo nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Đức Dũng	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2024	145

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
14	Xây dựng khuôn viên, công hàng rào và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Đức Dũng	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2024	200
15	Xây dựng nhà học 02 phòng làm việc, vườn rau, vườn cây trái nghiệm và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2024	200
16	Xây dựng nhà hiệu bộ 02 tầng Trường TH Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND xã Tùng Châu	2024	100
17	Sửa chữa Nhà hiệu bộ và 2 dãy nhà học 02 tầng Trường Tiểu học thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	UBND Thị trấn	2024	200
18	Xây dựng khối phòng phụ trợ, nhà thường trực, sân bóng chuyên, nâng cấp khuôn viên, mương thoát nước Trường TH Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2024	200
19	Nhà thi đấu đa năng Trường TH Đức Thủy	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024	200
20	Sửa chữa , nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường MN Trung lễ	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024	200
21	Sửa chữa, cải tạo Nhà hiệu bộ, Trường TH Yên Trấn	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2024	200
22	Nhà học 2 tầng 6 phòng, sân bóng nhân tạo và các hạng mục phụ trợ Trường TH Đức Yên	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2024	200
23	Sửa chữa cải tạo dãy nhà học 2 tầng 8 phòng TH Nguyễn Trãi	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2024	200
24	Nâng cấp , cải tạo sân trường, mương thoát nước và bồn hoa Trường TH Nguyễn Trãi	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2024	200
25	Mái che di động trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Trường THPT Minh Khai	Trường THPT Minh Khai	2024	200
26	Trường THCS Bình Thịnh, huyện Đức Thọ - Hạng mục: Xây dựng nhà đa năng, sân cỏ nhân tạo, bể bơi và các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ	Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	200

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
27	Trường tiểu học Đức Thịnh. Hạng mục: Xây dựng nhà học 2 tầng 12 phòng; nhà đa năng; sân cỏ nhân tạo và các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật phụ trợ	Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	200
28	Trường THCS Thanh Bình Thịnh. Hạng mục: Xây dựng nhà học 14 phòng, nhà thư viện và các hạng mục hạ tầng phụ trợ	Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2020-2021	200
29	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà học 1 tầng, vườn cổ tích, xây dựng mới nhà vệ sinh giáo viên Trường mầm non Đức Thịnh	Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2023-2024	100
30	Cải tạo, sửa chữa Nhà học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học Đức Thịnh	Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2023-2024	100
31	Trường mầm non xã Tùng Ảnh. Hạng mục: Hàng rào, mương thoát nước và mục phụ trợ	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng Ảnh	2024-2025	200
32	Trường Tiểu học Đức Thủy: Hạng mục Lát sân	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024	200
33	Nâng cấp, sửa chữa khuôn Viên Trường THCS Thanh Dũng	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	200
III	Dự án Văn hóa, y tế và LĐTĐBXH				1.307
1	Cải tạo nhà 2 tầng, khu chăm sóc sinh sản, xây mới mái che - Trạm y tế xã Yên Hồ	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2024-2025	200
2	Khu vui chơi giải trí dành cho người cao tuổi và trẻ em xã Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND xã Tùng Châu	2023-2024	212
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Thọ - Hạng mục: Cải tạo nhà điều hành, hệ thống điện khu bia, làm nhà vệ sinh và hệ thống cấp nước	Xã Tân Dân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2024	195
4	Nâng cấp, cải tạo Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Đức Lạng	Xã Đức Lạng	UBND xã Đức Lạng	2024	200

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
5	Cải tạo trạm y tế xã Tân Hương, huyện Đức Thọ - Hạng mục Mái che, mái tôn nhà làm việc 2 tầng, lát sân và các hạng mục phụ trợ	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2024	200
6	Sửa chữa cầu tràn liên hợp và xây dựng tuyến đường từ Đường Trục xã TX01 đi qua khu dân cư lên Nghĩa trang số 02 tại thôn Tân Lộc, xã Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2024	200
7	Cải tạo, sửa chữa Khu liên hiệp thể thao Trung tâm Văn hóa huyện	Thị trấn Đức Thọ	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023	100
IV	Dự án xây dựng, cải tạo trụ sở				4.234
1	Xây dựng Trụ sở làm việc xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024-2025	200
2	Trung tâm Văn hóa - truyền thông huyện Đức Thọ (Hạng mục: Cải tạo nhà công vụ, sân vườn, hàng rào)	Trung tâm VH-TT huyện	Trung tâm VH-TT huyện	2022-2023	234
3	Nhà làm việc 2 tầng BCH Quân sự Thị trấn Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2024-2025	200
4	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và xây dựng các hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	2024	200
5	Nâng cấp Trụ sở UBND xã Bùi La Nhân, hạng mục: Lát nền, mương thoát nước và các hạng mục phụ trợ	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2023-2024	200
6	Cải tạo nâng cấp công phụ, sân vườn, xây mới nhà vệ sinh trụ sở HĐND-UBND xã Tùng Ảnh	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng Ảnh	2023-2024	200
7	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm hành chính công huyện Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	800
8	Dự án Cải tạo nhà ăn, nhà tập luyện thể thao và các công trình phụ trợ Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	2.200
B	Dự án khởi công mới năm 2025				16.621
I	Dự án giao thông, thủy lợi				900

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
1	Đường nội xã 59 thôn Trung Văn Minh xã Yên Hồ	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2025	500
2	Nâng cấp, mở rộng đường Trục thôn 10; Làm mới mương thoát nước và hệ thống vỉa hè, bồn cây thôn Bình Hà, xã Thanh Bình Thịnh	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024-2025	400
II	Dự án giáo dục				4.100
1	Cải tạo, sửa chữa công trình mương thoát nước, lát gạch Block ở hành lang trước cổng trường Trường THPT Đức Thọ	Trường THPT Đức Thọ	Trường THPT Đức Thọ	2025	300
2	Làm mái che di động Trường THPT Đức Thọ	Trường THPT Đức Thọ	Trường THPT Đức Thọ	2025	300
3	Sửa chữa sân trường, cải tạo khuôn viên và sơn nhà học 3 tầng dãy nhà B Trường THPT Đức Thọ	Trường THPT Đức Thọ	Trường THPT Đức Thọ	2025	300
4	Sửa chữa, nâng cấp cổng, hàng rào, sân khấu mái che và các mục phụ trợ Trường mầm non Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	UBND Thị trấn	2024-2025	300
5	Xây dựng nhà bếp, mái che trường mầm non Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND xã Tùng Châu	2025	300
6	Xây dựng nhà bếp, nhà thường trực và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND xã Tùng Châu	2025	300
7	Xây dựng mái che, nhà xe, cổng và sân rửa sau nhà bếp trường Mầm non Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2025	500
8	Công trình Trường Tiểu học Đức Lập; Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà học 2 tầng 8 phòng	Xã Tân Dân	UBND xã Tân Dân	2025	400
9	Công trình Trường tiểu học Đức Yên, Thị trấn Đức Thọ. Hạng mục: Cải tạo nâng cấp Nhà hiệu bộ 2 tầng	Thị trấn Đức Thọ	UBND Thị trấn	2025	300
10	Công trình bảo dưỡng, sửa chữa một số hạng mục nhà văn phòng kiêm hiệu bộ và hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đức Long	Xã Tân Dân	UBND xã Tân Dân	2025	300

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch vốn năm 2025
11	Hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo một số hạng mục của Trường tiểu học Trung Lễ	xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2025	500
12	Công trình bảo dưỡng, sửa chữa Sân, Cổng trường và các hạng mục phụ trợ Trường TH Đức Lập	Xã Tân Dân	UBND xã Tân Dân	2025	300
III	Dự án xây dựng, cải tạo trụ sở				11.621
1	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc 3 tầng, phòng họp BCH, Hội trường lớn và các hạng mục phụ trợ Trụ sở cơ quan Huyện ủy	Huyện ủy	Văn phòng Huyện ủy	2025	3.000
2	Cải tạo Hội trường Ủy ban MTTQ - Các tổ chức đoàn thể huyện và các hạng mục phụ trợ khác	Khôi dân	UBMTTQ huyện	2025	1.500
3	Cải tạo Nhà Văn hóa, Nhà tiếp dân và các hạng mục phụ trợ UBND huyện	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2025	4.221
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng UBND xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	2025	500
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng UBND xã Đức Lạng	Xã Đức Lạng	UBND xã Đức Lạng	2025	900
6	Nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ UBND xã Bùi La Nhân	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2025	500
7	Cải tạo nhà làm việc công an huyện và các hạng mục phụ trợ khác	Công an huyện	Công an huyện	2025	500
8	Sửa chữa nhà ăn, bếp, phòng khánh tiết và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện	BCH Quân sự huyện	BCH Quân sự huyện	2025	500



Phụ lục 8.2

Danh mục chương trình, dự án sử dụng ngân sách nhà nước năm 2024 chuyển sang bố trí vốn năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NO-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 (NS huyện)
	TỔNG SỐ		11.972
A	Dự án hoàn thành và thanh toán trong năm 2024		9.772
I	Dự án giao thông, thủy lợi		4.020
1	Dự án Đường giao thông xã Đức Thanh	UBND huyện Đức Thọ	500
2	Dự án Khắc phục sửa chữa hồ chứa nước Ao Sen xã Đức Lập	UBND huyện Đức Thọ	90
3	Dự án Hệ thống phòng chống cháy nổ tại cụm công nghiệp xã Thái Yên	UBND huyện Đức Thọ	15
4	Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Bạ xã Đức Đồng	UBND huyện Đức Thọ	15
5	Dự án Nâng cấp tuyến đường liên xã Tùng Ảnh - Thị trấn (HL09)	UBND huyện Đức Thọ	500
6	Đường trục chính xã Tùng Ảnh (đoạn qua đường dân sinh với khu sinh thái thôn Châu Nội)	UBND xã Tùng Ảnh	750
7	Dự án Đường liên xã Trung Lễ - Bùi Xá	UBND huyện Đức Thọ	500
8	Dự án Đường giao thông nông thôn thôn Đại Nghĩa - thôn Hùng Dũng, xã Đức Yên	UBND huyện Đức Thọ	400
9	Dự án Đường giao thông tổ dân phố 3, 4 và tổ dân phố 8, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	250
10	Đường giao thông liên thôn Trung Đông - Trung bắc	UBND xã Lâm Trung Thủy	400
11	Đường GTNT thôn Đồng Quang, Phúc Hòa, Sơn Thành xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	400
12	Đường GT nội đồng xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	72

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 (NS huyện)
13	Đường GTNT xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	128
II Dự án giáo dục			4.032
1	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Đức Lạng - Hạng mục: Cải tạo sân trường và sân bóng đá mini	UBND xã Đức Lạng	85
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Đức Lạng	UBND xã Đức Lạng	250
3	Nâng cấp sửa chữa khuôn viên Trường THCS Thanh Dũng (San nền, lát sân, rãnh thoát nước)	UBND xã Thanh Bình Thịnh	150
4	Nhà học bộ môn 2 tầng 6 phòng, sân bóng nhân tạo và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đức Yên	UBND thị trấn Đức Thọ	500
5	Mái che di động trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Trường THPT Minh Khai	100
6	Thư viện xanh tiểu học Đức Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	300
7	Trường mầm non Đức An, Hạng mục: cải tạo khu WC, nhà học 2 tầng 8 phòng, mái che, sân khấu, mương thoát nước, bồn hoa	UBND xã An Dũng	300
8	Nhà thi đấu đa năng trường Tiểu học Đức Thủy Huyện Đức Thọ	UBND xã Lâm Trung Thủy	500
9	Nâng cấp, sửa chữa sân trường, mương thoát nước, bồn hoa, cổng, hàng rào, nhà để xe Trường Tiểu học Quang Vĩnh	UBND xã Quang Vĩnh	300
10	Xây dựng đường vào, cổng Trường tiểu học Đức Thanh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	550
11	Cải tạo Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Đức Long	UBND xã Tân Dân	497
12	Khối nhà hỗ trợ học tập 2 tầng 10 phòng Trường tiểu học Đức Thanh,	UBND xã Thanh Bình Thịnh	500
III Dự án Văn hóa, y tế			300
1	Cải tạo trạm y tế xã Tân Hương, huyện Đức Thọ - Hạng mục: Mái che mái tôn nhà làm việc 2 tầng, lát sân và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Tân Hương	300

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025 (NS huyện)
IV	Dự án xây dựng, cải tạo trụ sở		1.420
1	Xây dựng Gara ô tô, xe máy và các hạng mục phụ trợ BCH Quân sự huyện Đức Thọ	BCH Quân sự huyện Đức Thọ	120
2	Cải tạo Trạm y tế thành Trụ sở Công an xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	700
3	Nâng cấp, mở rộng nhà giao dịch một cửa và hạng mục phụ trợ UBND xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	600
B	Dự án khởi công mới năm 2024		2.200
I	Dự án giáo dục		500
1	Trường Tiểu học Đức Thủy, hạng mục: Nâng cấp khuôn viên, mương thoát nước, các hạng mục phụ trợ	UBND xã Lâm Trung Thủy	500
III	Dự án xây dựng, cải tạo trụ sở		1.700
1	Nâng cấp nhà làm việc tiếp dân cơ quan Công an huyện	Công an huyện	200
2	Nhà làm việc cơ quan Khối dân, hạng mục: Cải tạo Hội trường lớn, nhà xe và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Đức Thọ	300
3	Nhà làm việc cơ quan Huyện ủy, hạng mục: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Đức Thọ	600
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 02 tầng Trụ sở UBND huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	600

Phụ lục 8.3

Danh mục các dự án đối ứng ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Văn bản đối ứng	Tổng mức đầu tư	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn đối ứng	Trong đó		Dự kiến bố trí năm 2025
						NSH	Nguồn vốn ngân sách xã và nhân dân đóng góp	
	Tổng cộng		424.570.000	338.475.000	101.720.000	85.955.000	15.765.000	12.000
1	Đường nói QL 8A - Cụm Công nghiệp Thái Yên - QL 15A	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17/10/2022 của HĐND huyện	85.000.000	70.000.000	13.650.000	13.650.000	0	1.500
2	Các dự án hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh	Thông báo Kết luận số 382-TB/HU ngày 05/11/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy	76.950.000	55.600.000	21.350.000	21.350.000	0	2.000
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Đồng và vùng phụ cận, huyện Đức Thọ (giai đoạn 1)	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND huyện	52.290.000	45.000.000	15.000.000	9.000.000	6.000.000	1.000
4	Dự án Khắc phục sạt lở bờ sông Ngân Phố, đoạn qua xã Trường Sơn	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND huyện	46.280.000	40.000.000	6.280.000	6.280.000	0	1.000
5	Hỗ trợ hệ thống cấp nước các xã Tân Dân, Liên Minh	Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện	14.500.000	9.000.000	5.000.000	5.000.000	0	1.500
6	Sửa chữa các công trình trường học	QĐ số 2646/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	32.550.000	16.275.000	26.040.000	16.275.000	9.765.000	3.000
7	Dự án Đường từ thị trấn Đức Thọ đến Khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện	117.000.000	102.600.000	14.400.000	14.400.000	0	2.000

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
-	Kinh phí đoàn ra đoàn vào	1.803		1.803									
-	Kinh phí CNTT ISO 1900-2000 của UBND huyện	30		30									
-	Thuởng học sinh đầu vào các trường đại học	50		50									
-	Trang phục thanh tra	20		20									
-	Hỗ trợ hoạt động ban vì sự tiến bộ của phụ nữ	30		30									
-	Hỗ trợ hoạt động ban chống tham nhũng	25		25									
-	Kinh phí UB đoàn kết công giáo (Bao gồm phụ cấp + Hoạt động)	100		100									
-	Hỗ trợ công tác cải cách hành chính	50		50									
-	Hỗ trợ phục vụ công tác tiếp dân và trang phục	100		100									
-	Hỗ trợ đề án ứng dụng công nghệ thông tin	100		100									
-	KP cho cán bộ xã không đủ tuổi tài cử, tài bổ nhiệm được hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho cán bộ MT và các ngành khác	100		100									
-	Kinh phí Hỗ trợ trang bị, nâng cấp các phần mềm kế toán, quản lý	500		500									
-	Kinh phí mua sắm tài sản và sửa chữa xe ô tô	800		800									
-	Kinh phí thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ HCC thực hiện qua BCCI	100		100									
-	Kinh phí hoạt động Trung tâm hành chính công huyện	200		200									
-	Kinh phí Đại hội điển hình tiên tiến lần thứ II	150		150									

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
-	Kinh phí Đại hội thi đua yêu nước đồng bào công giáo giai đoạn 2025-2030	100		100									
II	Chi sự nghiệp giáo dục	395.954	0	395.954									
1	Trung tâm Chính trị huyện	1.768		1.768									
2	Trung tâm giáo dục NN - GDTX	2.583		2.583									
3	Các đơn vị Trường học (Có phụ lục chi tiết kèm theo)	387.069		387.069									
4	Kinh phí dự kiến năng lương trong năm	100		100									
5	Kinh phí đào tạo, dạy nghề khác (Sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất và các hoạt động khác)	4.434		4.434									
III	Chi sự nghiệp y tế	49.237	0	49.237									
1	Trung tâm Y tế huyện	36.631		36.631									
2	Kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng	12.606		12.606									
IV	Chi đảm bảo xã hội	71.705	0	71.705									
1	Phòng Lao động TBXH	70.752		70.752									
-	Kinh phí thực hiện NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	60.167		60.167									
-	Kinh phí thực hiện NQ72/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh	823		823									
-	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	1.390		1.390									
-	Kinh phí tặng quà đối tượng BTXH có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp tết cổ truyền dân tộc năm 2025 (Theo NQ72/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh)	184		184									
-	Kinh phí trợ cấp MTP 2025	4.937		4.937									
-	Kinh phí quà, thấp hương nhân dịp tết nguyên đán năm 2025 và ngày 27/7	1.939		1.939									

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
-	Kinh phí tặng quà đối tượng đang còn sống 2025 nhân dịp tết nguyên đán năm 2025 và ngày 27/7	323		323								
-	Kinh phí chúc thọ và phục vụ các hoạt động bảo đảm xã hội khác và hợp đồng quán trang và hoạt động quán trang	990		990								
2	Hội chữ thập đỏ	268		268								
3	Hội người mù	290		290								
4	Hội người cao tuổi	394		394								
V	Chi an ninh	850	0	850								
	Công an huyện	850		850								
VI	Chi Quốc phòng	1.255	0	1.255								
	Ban chỉ huy quân sự huyện	1.255		1.255								
V	Chi sự nghiệp VH-TDTT	5.432	0	5.432								
1	Trung tâm văn hóa truyền thông	2.598		2.598								
2	Kinh phí tăng lương trong năm	113		113								
3	Các nội dung hoạt động văn hóa-thông tin, TDTT, Truyền thanh truyền hình năm 2025	2.720	0	2.720								
	Kinh phí Đại hội TDĐT lần thứ X và tổ chức các giải VH - Văn nghệ và TDĐT năm 2025 và kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền Đại hội Đảng; Kỷ niệm 80 năm ngày Quốc Khánh 02/9 và hội nghị, tập huấn	1.800		1.800								
	Kinh phí phục vụ công tác chuyển đổi số năm 2025	200		200								
	Kinh phí tuyên truyền, quảng bá du lịch	100		100								
	Kinh phí hoạt động BCD phong trào "Toàn dân DKXD ĐSVH"	50		50								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
	Kinh phí đơn nhận các làng văn hóa, di tích được xếp hạng	50		50									
	Kinh phí thuê công trang Web, Phụ cấp và tiền nhuận bút	100		100									
	Hỗ trợ trang truyền hình phát vệ tinh và chương trình phát thanh, truyền hình huyện	50		50									
	Kinh phí hợp đồng tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của huyện trên Đài TH tỉnh	100		100									
	Hợp đồng tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của huyện với Báo Hà Tĩnh	100		100									
	Kinh phí duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ dân ca ví dặm, sắc bùa các xã, thị trấn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu (16 câu lạc bộ x 5 trã/câu lạc bộ)	80		80									
	Kinh phí bảo vệ di tích LSVH cấp tỉnh theo QĐ số 27/2013/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh: 100.000đ/tháng/di tích x 12 tháng x 67 di tích	80		80									
	Kinh phí hỗ trợ thành lập mới mô hình phòng chống bạo lực gia đình (02 mô hình * 5 trã/năm)	10		10									
V	Chi sự nghiệp kinh tế	99.454	0	96.109									
1	Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi	2.386		2.386									
2	Kinh phí thực hiện CTMTQGXDNTM (vốn sự nghiệp) năm 2025	3.345									3.345		3.345
3	Sự nghiệp nông lâm, thủy lợi	20.771		20.771									
	Kinh phí miễn thủy lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP	7.861		7.861									

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo ND số 62/2021/ND-CP	8.610		8.610									
	Hỗ trợ chính sách PTNNNT và thực hiện đề án tích tụ ruộng đất	4.000		4.000									
	Sự nghiệp nông lâm, thủy lợi khác	300		300									
4	Sự nghiệp giao thông -XD và TM-Dịch vụ	5.765	0	5.765									
	Kinh phí quản lý, bảo dưỡng đường bộ, đường thủy nội địa địa phương năm 2025	5.215		5.215									
	Sự nghiệp giao thông -XD và TM-Dịch vụ khác	450		450									
	Kin phí Dự án " Tạo lập, quản lý phát triển nhân hiệu chứng nhận Gạo Ruoi Đức Thọ "	100		100									
5	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	8.500		8.500									
6	Hỗ trợ kinh phí hội khoa học kỹ thuật	20		20									
7	Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - XH 2020-2025	100	0	100									
8	Kinh phí xuất bản tin KHKT của huyện	15		15									
9	Kinh phí hoạt động thực hiện lập kế hoạch hàng năm	100		100									
10	KP triển khai đề án phát triển kinh tế tập thể	50		50									
11	Kinh phí địa giới hành chính + bản đồ hành chính	50		50									
12	Lập KH phát triển KT-XH định hướng thị trường cấp xã	50		50									

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
13	Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ XDNTM huyện (ngoài các nội dung bên chi đầu tư)	2.000		2.000									
14	Hỗ trợ các tổ công tác chỉ đạo XDNTM và XD đô thị văn minh	100		100									
15	Hỗ trợ ngân hàng chính sách để cho hộ nghèo vay vốn năm 2024 (Theo văn bản số 7280/UBND-TH1 ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và QĐ số 728/QĐ-BĐD ngày 27/9/2023)	2.000		2.000									
16	Hỗ trợ xây dựng quỹ hỗ trợ nông dân huyện Đức Thọ	400		400									
17	Kinh phí thực hiện Đề án số 938 và 939/QĐ-TTg/2017 của Thủ Tướng Chính phủ năm 2019	100		100									
18	Hỗ trợ các kinh phí các xã sau sáp nhập	200		200									
19	Chi khoa học và công nghệ	50		50									
20	Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XDNTM	538	0	538									
	Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng ống bi tại các xã, thị trấn (mỗi xã 20 bê)	320		320									
	16 xã, thị trấn x 20 bê * 1 trã/bê												
	Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng bê tông hoặc xây gạch 3 ngăn tại các xã, thị trấn (mỗi xã 10 bê). 10 xã, thị trấn x 10 bê * 0,5 trã/bê	80		80									
	Hỗ trợ chương trình môi xã 1 sản phẩm (OCOP)												

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	Thương sản phẩm đạt chuẩn OCOP (Dự kiến 4 SP * 30 tr/d/SP)	120		120								
	Hỗ trợ các cơ sở đánh giá lại năm 2023, 2024 và 2025 (Dự kiến 18 SP * 10 tr/d/SP)	18		18								
21	Hỗ trợ xây dựng tua tuyến huyện Nông thôn mới nâng cao phục vụ các đoàn tham quan	200		200								
22	Chi phí thuê tư vấn xác định giá đất	500		500								
23	Kinh phí cập nhật bản đồ, hồ sơ Địa chính (Theo NQ 175/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)	300		300								
24	Kinh phí cắm mốc các khu quy hoạch đấu giá đất ở trước năm 2020	300		300								
25	Kinh phí thuê tư vấn quan trắc môi trường các trang trại	100		100								
26	Kinh phí phục vụ công tác kiểm kê đất đai năm 2024	300		300								
27	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	300		300								
28	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021-2024 và Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030	300		300								
29	Kinh phí thực hiện các Đề án chính sách và hạ tầng kinh tế và một số nhiệm vụ khác	48.000		48.000								
30	Các hoạt động chi khác (tuyên truyền, hội nghị, tập huấn ...)	2.614		2.614								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
VI	Chi sự nghiệp môi trường	6.164	0	6.164								
1	Sự nghiệp môi trường (Kinh phí hỗ trợ xử lý rác thải, kinh phí vận chuyển và các hoạt động khác)	6.164		6.164								
VII	Chi khác	7.758	0	7.758								
1	Các đơn vị khác	1.865	0	1.865								
-	Hỗ trợ hội thảo	30		30								
-	Hỗ trợ hội đồng y	15		15								
-	Hỗ trợ hoạt động của hội luật gia	15		15								
-	Hỗ trợ hội cựu giáo chức	15		15								
-	Hỗ trợ các cuộc điều tra và in niên giám thông kê	30		30								
-	Kinh phí CNTT ISO 1900-2000 của UBND huyện	30		30								
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định một số chính sách về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030 và các nhiệm vụ chi công tác dân số KHHGD	100		100								
-	Kinh phí hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo	1.100		1.100								
-	Kinh phí thường xuyên tại khu mộ, nhà thờ Phan Đình Phùng	30		30								
-	Kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền và khám nghĩa vụ quân sự hàng năm	500		500								
2	Các hoạt động chi khác (tuyên truyền, hội nghị, tập huấn, đoàn ra, đoàn vào ...)	5.893		5.893								



Phụ lục 10

(Biểu mẫu số 39 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia					
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng				
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9=2+6+7+8
	TỔNG SỐ	342.340	153.037	5.900	147.137	147.137	145.666	0	0	298.703
1	Đức Lạng	11.570	5.001	140	4.861	4.861	7.389			12.390
2	Đức Đồng	6.895	3.218	310	2.908	2.908	8.444			11.662
3	Hòa Lạc	4.996	2.349	336	2.013	2.013	11.352			13.701
4	Tân Dân	12.240	5.393	250	5.143	5.143	10.707			16.100
5	An Dũng	11.363	5.128	353	4.775	4.775	11.558			16.685
6	Lâm Trung Thủy	21.915	9.868	180	9.688	9.688	11.304			21.172
7	Thanh Bình Thịnh	42.810	18.081	505	17.576	17.576	11.461			29.542
8	Yên Hồ	17.499	7.879	349	7.530	7.530	6.728			14.607
9	Bùi La Nhân	25.971	11.711	221	11.490	11.490	11.447			23.158
10	Thị trấn	113.605	52.316	2.235	50.081	50.081	6.098			58.414
11	Tùng ảnh	58.825	26.115	425	25.690	25.690	7.818			33.933
12	Trường Sơn	2.595	1.168	70	1.098	1.098	9.913			11.081
13	Liên Minh	6.534	2.972	104	2.868	2.868	6.920			9.891
14	Tùng Châu	840	397	110	287	287	8.556			8.953
15	Quang Vĩnh	4.619	1.412	299	1.113	1.113	9.443			10.854
16	Tân Hương	65	32	15	17	17	6.528			6.560

Phụ lục 11
(Biểu mẫu số 41 kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng chi ngân sách địa phương	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương					Dự phòng ngân sách
			Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên			
			Tổng số	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó		
						Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	
A	B	1=2+5+8	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	298.703	135.900	135.900	159.611	0	0	3.192
1	Đức Lạng	12.390	4.500	4.500	7.735			155
2	Đức Đồng	11.662	2.700	2.700	8.786			175
3	Hòa Lạc	13.701	1.800	1.800	11.669			232
4	Tân Dân	16.100	4.500	4.500	11.374			226
5	An Dũng	16.685	4.500	4.500	11.948			237
6	Lâm Trung Thủy	21.172	9.000	9.000	11.935			237
7	Thanh Bình Thịnh	29.542	15.750	15.750	13.507			285
8	Yên Hồ	14.607	6.750	6.750	7.703			154
9	Bùi La Nhân	23.158	11.250	11.250	11.676			232
10	Thị trấn	58.414	47.250	47.250	10.946			218
11	Tùng ảnh	33.933	23.850	23.850	9.886			197
12	Trường Sơn	11.081	900	900	9.982			199
13	Liên Minh	9.891	2.700	2.700	7.050			141
14	Tùng Châu	8.953	225	225	8.557			171
15	Quang Vĩnh	10.854	225	225	10.422			207
16	Tân Hương	6.560	0	0	6.433			127

